

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ KBANG

Số: 88/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kbang, ngày 11 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn xã

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Kbang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về quy định phân cấp thẩm quyền chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

UBND xã Kbang lập Tờ trình đề nghị HĐND xã xem xét phê duyệt tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn xã với những nội dung như sau:

1. Điều chỉnh đầu mỗi giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án cấp huyện có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác (Kèm theo phụ lục 1).

2. Phân khai kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Kèm theo phụ lục 2).

Trên đây là nội dung kế hoạch tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung danh mục, vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã Khóa I - Kỳ họp thứ Tư xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

TIỆP NHẬN, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 XÃ KBANG (LẦN 2)

(Kèm theo Tờ trình số 8777-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Kbang)

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Chủ trương đầu tư công					Trong đó					Đầu mối giao tế hoạch	Đầu mối giao tế hoạch để trình	Chi chú
			Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn huy động	Kế hoạch năm 2025	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện			
A	TỔNG SỐ	319.388,401 38.642	155.607,000 20.607	116.091,000 5.500	33.759,000	401,152	3.027,249 2.635	136.868,401 13.872	84.605,000 11.937	32.844,000 1.900	18.491,000	401,152	527,449 135		
I	Chương trình MTQC phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		11.450	1.650	500	-	-	2.310	1.810	500	0	0	0		
I	Dự án 1: GIẢI QUYẾT tình trạng thiếu điện ở nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		500	0	500	0	0	500	0	500	0	0	0		Xã Kbang
I.1	Điều chỉnh giảm các dự án chưa được UBND tỉnh giao lại Nghị quyết 15/NQ-UBND ngày 22/7/2025 tỉnh Gia Lai		-938,676	-40	-620	0	-278,676	-938,676	-40	-620	0	0	-278,676		Xã Lơ Ku
-	Hỗ trợ điện ở cho hộ gia đình ông Đình Văn Mới	Số 128/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	-44	-40	-4	-	-44	-40	-40	-4	-	-	-		
-	Nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	-718,676	-40	-40	-	-718,676	-40	-40	-40	-	-	-278,676		
-	Bãi ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/2/2025	-176	-176	-176	-	-176	-176	-176	-176	-	-	-		
I.2	Giao kế hoạch vốn năm 2025		500	0	500	0	0	500	0	500	0	0	0		Xã Kbang
-	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku, xã Đak Smar	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	324	1050	324	-	324	1050	1050	324	-	-	-		
-	Hỗ trợ điện ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/2/2025	176	176	176	-	176	176	176	176	-	-	-		
2	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB ĐTTTS & MN		10.950	1.050	-	-	-	1.810	1.810	-	-	-	-		
-	Công trình Đường từ cấp trên ra khu sản xuất làng bản (đơn lập nhà dân địa ống Bô)	Số 74/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1050	1050	-	-	1050	1050	1050	-	-	-	-		
-	Đường từ làng lùm xã Sr Pui đi xã Đak Smar	Số 169/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	9.900	-	-	-	760	760	760	-	-	-	-		UBND xã Kbang
II	Chương trình MTQC xây dựng nông thôn mới		27.192	19.657	5.000	-	2.635	11.562	10.127	1.300	0	0	135		
1	Trung tâm Văn hóa-thể thao huyện Kbang	Số 167/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	25.000	17.500	-	5.000	2.500	9.270,00	8.070,000	1.300,000	-	-	-		UBND xã Kbang
2	Thủy lợi Lơ Vi	Số 80/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	591	568	-	-	23	590,72	568	-	-	22,72	22,72		UBND xã Lơ Ku
3	Đường ra khu sản xuất Thôn 1 (Làng Cam)	Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 11/2/2025	1.601	1.489	-	-	112,1	1.601,10	1.489,000	-	-	112,1	112,1		UBND xã Đak Smar
B	CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KINH MƯƠNG NĂM 2025		2796,581	0	1194	809	392,429	2796,581	0	1194	809	401,152	393,429		UBND xã Kbang
1	814/302 - Đường ra khu sản xuất TDP 2 (đơn từ nhà ống Trần Văn Nổi đến nhà ống Thuột), Hàng mương BTXM	226/QĐ-UBND ngày 05/05/2025	1331	0	521	368	342	1231	0	521	368	0	342		UBND thị trấn
-	Đường từ khu sản xuất Đám Đak Y Nao : Hàng mương BTXM	814/7891 - Đường ra khu sản xuất Đám Đak Y Nao : Hàng mương BTXM	186	0	79	55,791	186	186	0	79	55,791	0	51,209		UBND xã Kbang
2	UBND xã Lơ Ku (traverse cấp 4)	227/QĐ-UBND ngày 05/05/2025	1045	0	442	312,209	290,791	1045	0	442	312,209	0	290,791		UBND xã Lơ Ku
-	Đường từ làng Đak Kông (từ đường Bô đi đường Phungmây) Hàng mương, Nền, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước	Số 81/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	557,000	0	673	441	50,429	1565,581	0	673	441	401,152	50,429		UBND xã Kbang
-	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (đơn từ đường Việt đi đất bãi) Hàng mương, Nền, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước	Số 82/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	1.008,581	0	427	280	50,429	1.008,581	0	427	280	251,152	50,429		UBND xã Kbang
C	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CƠ CẤU TIÊU		135.000,000	135.000,000	-	-	-	72.668,000	72.668,000	-	-	-	-		

PHU LUC 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Kbang)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/làng/...)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư hoặc dự toán			Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
					Tổng các nguồn vốn	Trong đó:		Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
						Vốn ngân sách trung ương, tỉnh	Vốn ngân sách cấp xã, vốn huy động hợp pháp khác			
	TỔNG CỘNG				7.050,00	6.151,00	899,00	-	6.151,00	
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐTTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				7.050,00	6.151,00	899,00	-	6.151,00	
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>									
1	Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất bà viên đến KSX làng Lọk)	Thôn 15	2025		1.150,0	995,00	155		995,00	
2	Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất ông Đình Giáp đến đất toàn chung và đoạn 2 đầu BTXM)	Thôn 15	2025		900,0	776,00	124		776,00	
3	Đường nội đồng Thôn 14 (đoạn đất ông Trường đến đất thảng Dung)	Thôn 14	2025		1.800,0	1.580,00	220		1.580,00	
4	Đường đi khu sản xuất Đầm Đăk Y Nao (đoạn 1: đất ông Lịch đến đất ông Nam Dăng; đoạn 2: đất ông Trung Anh đến đất Hoà Chiến; Đoạn 3: đất ông Sơn đến đất ông Minh; đoạn 4: đất ông Minh Đào đến đất Huy Ý; đoạn 5: đất ông Hải Trang đến suối)	Làng Hợp	2025		3.200	2.800,00	400		2.800,00	

Số: /NQ-HĐND

Kbang, ngày tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
năm 2025 xã Kbang (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG
KHÓA I KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Kbang.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

1. Điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án cấp huyện có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác.

(Kèm theo phụ lục 1)

2. Phân khai kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo phụ lục 2)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang Khóa I Kỳ họp thứ Tư thông qua ngàytháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Ban Xây dựng Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các Văn phòng: Đảng ủy, HĐND&UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn, làng;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Dũng

TIẾP NHẬN, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 XÃ KBANG (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /tháng /năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang)

STT	Danh mục dự án	Chỉ tương đương cơ sở					Trong đó					Trong đó					Đầu mối giao tiếp kế hoạch điều chỉnh	Đầu mối giao tiếp kế hoạch	Chi chi
		Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn tự động	Kế hoạch năm 2025	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn tự động	Đầu mối giao tiếp kế hoạch	Đầu mối giao tiếp kế hoạch điều chỉnh			
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																		
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		11.450	1.050	500	0	0	2.310	1.810	500	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		500	0	500	0	0	500	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Điều chỉnh giảm các dự án chưa được HĐND tỉnh giao lại Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 tỉnh Chư Sê	Số 128/QĐ-UBND ngày 1/11/2024	-938,676	-40	-40	-40	-40	-938,676	-40	-40	0	0	-278,676	-40	-40	-278,676	Xã Lơ Ku	Xã Kbang	
	Hỗ trợ đất ở cho hộ gia đình ông Đình Văn Mũi		-44	-40	-4	-4	-44	-44	-40	-4	-4	-4	-44	-40	-4	-44			
	Nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	-718,676	-40	-40	-40	-718,676	-718,676	-40	-40	0	0	-278,676	-40	-40	-278,676			
	Đất ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	-176	-176	-176	-176	-176	-176	-176	-176	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Giao lại hoạch vốn năm 2025		500	0	500	0	0	500	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku, xã Đăk Snuar	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	324	324	324	324	324	324	324	324	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	176	176	176	176	176	176	176	176	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB ĐTT & MN		10.950	1.050	1.050	0	0	1.810	1.810	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Công trình: Đường từ đập trên ra khu sản xuất làng Bôn (đoạn đập trên đến đầu ống Bô)	Số 74/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	1050	1050	1050	1050	1050	1050	1050	1050	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đường từ trạm bơm xã Sơ Pê đi xã Đăk Snuar	Số 169/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	9.900	568	568	568	568	568	568	568	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		27.192	19.557	5.000	0	0	2.635	11.562	10.127	1.300	0	135	0	0	0	0	0	
1	Trang bị Văn hóa - thể thao huyện Kbang	Số 167/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	25.000	17.500	5.000	0	0	2.900	9.370,00	8.070,000	1.300,000	0	0	0	0	0	0	0	
2	Thủy lợi Lơ Vi	Số 80/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	591	568	0	0	23	590,72	568	10.127	0	0	135	0	0	0	0	0	
3	Đường ra khu sản xuất Thôn 1 (Làng Cam)	Quyết định 22/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	1.601	1.489	0	0	112,1	1.601,10	1.489,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B	CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÒA HẠ TẶNG GIAO THÔNG VÀ KINH MƯƠNG NĂM 2025		2796,581	1231	1194	809	392,439	2796,581	0	1194	809	401,152	392,429	0	0	0	0	0	
1	UBND thị trấn (trước và tái lập)	8149562 - Đường ra khu sản xuất TDP 2 (đoạn từ nhà ông Trần Văn Mũi đến nhà ông Thào); Hàng mục: Mặt đường BTXM	186	0	521	368	342	1231	0	521	368	0	342	0	0	0	0	0	
	Đường từ khu sản xuất thôn 1 (đoạn từ đầu ống Việt đi đầu ống Nhoanh); Hàng mục: Nhà, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước; Mặt đường BTXM	2256/QĐ-UBND ngày 05/05/2025	1231	0	521	368	342	1231	0	521	368	0	342	0	0	0	0	0	
2	UBND xã Lơ Ku (trước tái lập)	8147991 - Đường ra khu sản xuất Đăm Đăk Y Nao; Hàng mục: Mặt đường BTXM	1045	0	442	312,209	50,429	1045	0	442	312,209	401,152	290,791	0	0	0	0	0	
	Đường nối ống Đăk K'ing (06 ống bên đến ống Nhoanh); Hàng mục: Nhà, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước; Mặt đường BTXM	Số 81/QĐ-UBND ngày 9/4/2025	1565,581	0	673	441	50,429	1565,581	0	673	441	401,152	50,429	0	0	0	0	0	
	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (đoạn từ đầu ống Việt đi đầu ống Nhoanh); Hàng mục: Nhà, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước; Mặt đường BTXM	Số 82/QĐ-UBND Ngày 9/4/2025	557,00000	246	246	161	557,00000	557,00000	246	246	161	150	0	0	0	0	0	0	
	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (đoạn từ đầu ống Việt đi đầu ống Nhoanh); Hàng mục: Nhà, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước; Mặt đường BTXM	Số 82/QĐ-UBND Ngày 9/4/2025	1.008,581	427	427	280	50,429	1.008,581	427	427	280	251,152	50,429	0	0	0	0	0	
C	NGÂN SÁCH TRƯNG UỐNG		135.000,000	135.000,000	0	0	0	72.668,000	72.668,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	HỖ TRỢ CỘ MỤC TIÊU																		

Handwritten signature/initials

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Chức trường đầu tư công						Kế hoạch năm 2025	Trung đó					Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối giao kế hoạch đầu chính	Chi chú
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn huy động	Ngân sách Trung ương		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn huy động				
															135.000,0			
-	Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai	Quyết định 734/QĐ-UBND ngày 28/12/2025	135.000,000	135.000,0					72.668,000						UBND xã Khang			
D	Điều chỉnh các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã do ngân sách tỉnh và huyện chuyển về		142.950,000	-	110.000,000	32.550,000	-		47.532,000	29.850,000	17.682,000	-			UBND xã Khang			
1	Trung tâm Y tế Huyện Khang	418/NQ-HBND ngày 17/6/2021; 246/QĐ-UBND ngày 19/4/2021; 1102/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	120.000,000		110.000	10.000			32.300,000	29.850,0	2.450,0						Kế hoạch vốn kéo dài	
2	Đường Lê Văn Tâm, thị trấn Khang (Cầu Lê Văn Tâm - Đòng trường sơm)	171/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	14.950,000			14950			7.232,000		7.232						Kế hoạch vốn kéo dài	
3	Mương tưới thủy thi trấn (Đom Nguyễn Du đến đường LV Tân)	86/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	8.000,000			8000			8.000,000		8.000						Kế hoạch vốn năm 2025	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khang)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/làng/...)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; tháng; năm ban hành	Quyết định đầu tư hoặc dự toán			Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
					Tổng các nguồn vốn	Trong đó:		Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
						Vốn ngân sách trung ương, tỉnh	Vốn ngân sách cấp xã, vốn huy động hợp pháp khác			
	TỔNG CỘNG				7.050,00	6.151,00	899,00	-	6.151,00	
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐTTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				7.050,00	6.151,00	899,00	-	6.151,00	
	<i>Tiêu chí: Giao thông</i>									
1	Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất bà viên đến KSX làng Lọk)	Thôn 15	2025		1.150,0	995,00	155		995,00	
2	Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất ông Đình Giáp đến đất toàn chung và đoạn 2 đầu BTXM)	Thôn 15	2025		900,0	776,00	124		776,00	
3	Đường nội đồng Thôn 14 (đoạn đất ông Trường đến đất thảng Dung)	Thôn 14	2025		1.800,0	1.580,00	220		1.580,00	
4	Đường đi khu sản xuất Đám Đăk Y Nao (đoạn 1: đất ông Lịch đến đất ông Nam Dân; đoạn 2: đất ông Trung Anh đến đất Hoà Chiến; Đoạn 3: đất ông Sơn đến đất ông Minh; đoạn 4: đất ông Minh Đào đến đất Huy Ý; đoạn 5: đất ông Hải Trang đến đất cuối)	Làng Hợp	2025		3.200	2.800,00	400		2.800,00	